TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH V**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:124/2019/HS-ST
Ngày 21 tháng 10 năm 2019

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Nữ Hương Huyền

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và ông Vũ Gia Đính.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Quang Đại- Thư ký Toà án Nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2019/HS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019 theo Q định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 112/2019/HSST-QĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 và Q định hoãn phiên tòa số: 39/QĐHPT ngày 04/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tự C, sinh ngày 10/10/1991 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tự T và bà Kim Thị T; vợ: Nguyễn Thị T; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2019 cho đến nay (có mặt).

2. Lưu Văn K, sinh ngày 11/10/1984 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh V; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn B và bà Nguyễn Thị S; vợ: Nguyễn Thị L, có 02 con: lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2019 cho đến nay (có mặt).

3. Nguyễn Huy Q, sinh ngày 08/11/1991 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh V; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy Y và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2019 cho đến nay (có mặt).

4. Lê Xuân H, sinh ngày 29/4/1993 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh V; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân K và bà Vũ Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2019 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1968; nơi cư trú: đường Trần Quốc T, phường N, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ A Nguyễn Huy Q- sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn H, huyện B, tỉnh V (vắng mặt).

2/ A Vũ Trọng H- sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 1, phường B, thành phố L, tỉnh L (vắng mặt).

3/ A Phạm Huy T- sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh T (vắng mặt).

4/ A Nguyễn Tuấn A- sinh năm 1978; nơi cư trú: Xóm Đ, phường Đồng Bẩm, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt).

5/ A Lưu Văn H- sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh V (vắng mặt).

6/ Chị Hà Thị Thu T- sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm B, Xã V, huyện T, tỉnh P (vắng mặt).

7/ Chị Nguyễn Thị T- sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện B, tỉnh V (có mặt).

8/ A Nguyễn Huy T- sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh V (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có quan hệ là bạn bè ở cùng xã nên buổi chiều ngày 29/6/2018, Nguyễn Tự C, Nguyễn Huy Q, Lưu Văn K và Lê Xuân H cùng ngồi uống bia tại quán bia Tuấn Huấn ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh V. H có nói chuyện đang khó khăn về tài chính nên nhờ C đi thuê giúp xe ô tô tự lái mục đích đem xe lên thành phố L cầm cố lấy tiền đánh bạc. C không đồng ý thuê giúp H vì những năm gần đây H không thường xuyên sống ở nhà tại thị trấn T, huyện B nên C không biết về điều kiện kinh tế cũng như việc làm ăn của H. Sau khi uống bia được một lúc thì H về trước, chỉ còn lại C, K và Q tiếp tục ngồi nói chuyện. Lúc này, Nguyễn Huy Q cũng đến ngồi uống bia với C, K và Q. Tại đây, C nói với K, Q và Q là C có khả năng thuê xe nhưng do không tin tưởng H, không muốn thuê xe cho H nên mới nói là không thể thuê được xe, còn nếu A em mình muốn thuê xe ô tô để lên L đem đi cầm cố lấy tiền đánh bạc thì C sẽ thuê được ngay. Nghe C nói vậy, cả K, Q đều đồng ý và chủ động xin tham gia

cùng C thuê xe ô tô đem đi cầm cố lấy tiền đánh bạc, riêng Q ngồi im không tham gia ý kiến, không đề nghị cùng thuê xe ô tô đem đi cầm cố lấy tiền đánh bạc với C.

Khoảng 15 giờ hôm sau ngày 30/6/2018, C, Q, K và Q tiếp tục ngồi uống bia tại quán bia Tuấn Huấn, trong quá trình ngồi uống bia K, C và Q bàn bạc thống nhất việc sẽ thuê xe ô tô rồi đi lên thành phố L cầm cố lấy tiền đánh bạc, việc đi thuê và thủ tục thuê xe do C lo liệu, khi nào thuê được xe thì C có trách nhiệm thông báo và đón K, Q cùng đi lên L. Lần này Q chỉ ngồi uống bia mà không tham gia ý kiến bàn bạc về việc thuê xe. Sau khi uống bia xong cả nhóm đi hát karaoke tại một quán hát tại xã B, huyện B, tỉnh V. Trong lúc mọi người đang hát thì K về trước và đến một nhà nghỉ (không nhớ tên, địa chỉ cụ thể) ở khu vực xã Đinh Xá, thuộc địa bàn huyện B, tỉnh V rồi gọi điện thoại cho chị Hà Thị Thu T đang làm nhân viên quán hát ở địa bàn huyện B rủ T đi L chơi, T đồng ý. Hát xong, C, Q, Q thuê xe taxi (không nhớ hãng xe, biển kiểm soát) đi về quán bia Tuấn Huấn để Q lấy xe máy còn Q tiếp tục đi taxi về nhà nghỉ ở Đinh Xá cùng K. Q điều khiển xe máy, nhãn hiệu Nouvo, biển kiểm soát: 88G1 – 109.95 chở C đi về nhà. Trên đường đi, C hỏi mượn xe máy của Q để đi có việc (mục đích dùng xe máy đặt làm tin để thuê xe ô tô) thì Q đồng ý và điều khiển xe máy chở C về nhà Q rồi giao xe máy cho C mượn. C điều khiển đến nhà ông Nguyễn Trọng T ở đường Trần Quốc Tuấn, phường N, thành phố V, tỉnh V để thuê xe ô tô tự lái (lúc này khoảng 19h ngày 30/6/2018). Sau khi thỏa thuận, ông T cho C thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA biển kiểm soát: 29A- 603.51, thời hạn thuê xe từ ngày 30/6/2018 đến ngày 04/7/2018, giá thuê là 800.000đ/1 ngày, C để lại xe máy biển kiểm soát: 88G1- 109.95 là tài sản đảm bảo rồi lập hợp đồng thuê xe ô tô ghi nhận các nội dung thỏa thuận trên. Sau đó, ông T giao cho C xe ô tô biển kiểm soát 29A- 603.51 cùng 01 đăng ký xe ô tô (bản phô tô), 01 sổ đăng kiểm và 01 bảo hiểm dân sự (đều là bản gốc), còn C để lại xe máy rồi điều khiển xe ô tô đi đón K, Q và bạn gái của K là chị Hà Thị Thu T để cùng nhau đi L cầm cố xe ô tô lấy tiền đánh bạc. Sau khi đón được nhóm người trên, C nói với K, Q là đã thuê được xe ô tô nhưng lên L thì không quen ai để cầm cố xe nên rủ H tham gia cùng đi L để bảo H đi cầm cố xe ô tô và đưa vào nơi đánh bạc, nếu H muốn lấy tiền đánh bạc thì cầm cố xe được bao nhiêu tiền sẽ chia cho H một phần, K và Q đồng ý. Sau đó, C gọi điện rủ H đi L thì H nói “em chưa thuê được xe để mai em đi”,. C liền nói cho H biết đã thuê được xe và rủ H đi cùng để tìm chỗ cầm cố xe lấy tiền chia nhau đánh bạc. H đồng ý và bảo C đến đón ở khu vực gần siêu thị Big C V thuộc phường Khai Quang, thành phố V. Sau khi cả nhóm đón được H thì trên đường đi, H có hỏi C “A thuê xe ở đâu đấy?” thì C nói “mày không thuê được đâu” rồi C bảo H thu xếp tìm chỗ cầm cố xe ô tô vừa thuê được, H đồng ý và bảo “cứ yên tâm”. Đến rạng sáng ngày 01/7/2018, C điều khiển xe tới phường Duyên Hải, thành phố L, tỉnh L thì cả nhóm uống nước ở một quán nước ven đường, tại đây C có nói cho K, Q và H về việc C thuê xe ô tô của ông T ở V với giá 800.000đ/1 ngày, ký hợp đồng thuê xe từ ngày 30/6/2018 đến 04/7/2018, hết hạn phải trả tiền thuê xe, A em tính toán (ý là tiền thuê xe mọi người đều phải có trách nhiệm đưa cho C để

C trả cho ông T) thì cả nhóm không ai nói gì. Sau đó, C điều khiển xe chở H và Q về phòng trọ của H còn K và T đi chơi ở thành phố L. Đến buổi trưa cùng ngày 01/7/2018, Q gọi điện thoại hỏi C đang ở đâu thì C bảo đang ở L nên Q bắt xe khách lên thành phố L chơi cùng nhóm của C rồi H điều khiển xe ô tô ra đón Q vào phòng trọ của H.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H rủ C và Q đi vào sới bạc để đánh bạc (lúc này Q, K và T đi chơi chưa về), C và Q đều đồng ý. Sau đó, H chỉ đường cho C điều khiển xe chở H và Q đi vào sới bạc (không nhớ cụ thể địa chỉ) ở huyện B, tỉnh L. Do không có tiền đánh bạc nên H bảo C đưa chìa khóa xe ô tô để H đem cầm cố lấy tiền đánh bạc. Tại sới bạc, H gặp A Vũ Trọng H (là người H có quen biết từ trước) đặt vấn đề cầm cố xe lấy 40.000.000đ. Khi trao đổi cầm cố xe A H có hỏi H về nguồn gốc xe ô tô thì H nói là xe của H. A H đồng ý cho H cầm cố xe và đưa cho H 40.000.000đ nhưng không viết giấy tờ gì và chưa thỏa thuận về lãi suất. Sau khi cầm cố xe thì C và H chia nhau mỗi người 20.000.000đ để sử dụng vào việc đánh bạc còn Q chỉ ngồi chơi, không tham gia cầm cố xe, không cầm khoản tiền nào và cũng không tham gia đánh bạc. Sau đó, C và H đánh bạc thắng nên đã trả lại tiền cho H chuộc lại xe ô tô và đi về phòng trọ của H để ngủ.

Đến khoảng 20 giờ ngày 02/7/2018, cả nhóm gồm C, H, Q, K, Q, T lại đi tới xới bạc ở huyện B, tỉnh L. Trên đường đi thì Q có việc nên xuống xe giữa đường rồi bắt xe khách về tỉnh V, những người còn lại tiếp tục đi tới xới bạc. Khi vào xới bạc, do không có tiền nên H và C tiếp tục gặp Vũ Trọng H và cầm cố xe ô tô cho A H lấy số tiền 50 triệu đồng, H là người trực tiếp đặt vấn đề cầm cố xe ô tô, C là người nhận tiền từ H rồi chia cho K 20.000.000đ, chia cho H 20.000.000đ còn C cầm 10.000.000đ để sử dụng vào việc đánh bạc còn T chỉ ngồi chơi gần đó không tham gia. Sau khi đánh bạc thua thì Q đề nghị C gặp A H lấy thêm 20.000.000đ từ việc cầm cố xe ô tô, C đồng ý gặp A H lấy thêm 20.000.000đ và đưa cho Q để đánh bạc. H cũng thua hết tiền, H bảo C cho H lấy thêm 5.000.000đ từ tiền cầm cố xe ô tô để tiêu sài cá nhân, C đồng ý và bảo H đến gặp H lấy tiền. Tổng cộng số tiền cầm cố xe ô tô sau ba lần cả nhóm lấy tiền từ A H là 75.000.000đ, khi đưa tiền A H không viết giấy tờ gì cũng chưa thỏa thuận gì về lãi suất. Do thua bạc hết tiền và không chuộc được xe ô tô nên cả nhóm đi về phòng trọ của H ngủ. Ngày 03/7/2018, K, Q và C bắt xe ô tô khách đi về nhà. Sau đó, khoảng đầu tháng 7/2018, A H điều khiển xe đi chơi ở thành phố T, tỉnh T. Do hết tiền nên H đã nhờ một người nam giới tên là T (không rõ họ, tuổi, địa chỉ) và một người nữ giới tên là Nguyệt ở thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (là những người H mới quen biết, gặp gỡ khi đi chơi tại thành phố T) giới thiệu chỗ cầm cố xe ô tô cho H. Sau đó, Nguyệt và T đưa A H đến quán cắt tóc T A của A Phạm Huy T ở xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh T để cầm cố xe ô tô. Trong quá trình trao đổi, H nói với A T nguồn gốc xe là của H, A T đồng ý nhận cầm cố và thỏa thuận với H giá cầm cố xe ô tô là 100.000.000đ, lãi suất 1.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. A T viết giấy nhận cầm cố tài sản, giữ lại xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe và đưa tiền cho H (giấy cầm cố xe ô tô do A T viết tay và lưu giữ nhưng đã làm mất), H hẹn A T sau 01 tuần sẽ đến trả tiền và lấy lại xe ô tô. Sau thời gian 01 tuần không thấy A H đến chuộc xe ô tô nên A T đã

cho A Nguyễn Tuấn A ở Xóm Đ, phường Đồng Bẩm, thành phố T, tỉnh T mượn xe ô tô trên sử dụng làm phương tiện đi lại.

Ngày 04/7/2018, đến hạn C phải trả xe ô tô cho ông T nhưng không thấy C đến trả xe và trả tiền thuê xe nên ông T đã gọi điện thoại yêu cầu C trả xe và trả tiền thuê xe ô tô thì C xin gia hạn hợp đồng thuê xe ô tô thêm vài ngày nữa đồng thời cùng ngày 04/7/2018, C đã chuyển vào tài khoản của ông T số tiền 10.000.000đ thA toán tiền thuê xe ô tô. Sau đó, hết thời hạn gia hạn ông T gọi điện thoại nhưng C khất lần sau đó không nghe điện thoại và cũng không đến trả tiền thuê xe, trả xe theo thỏa thuận.

Ngày 14/8/2018, ông Nguyễn Trọng T có đơn trình báo về việc bị Nguyễn Tự C lừa đảo chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, loại xe 7 chỗ, màu sơn ghi bạc biển kiểm soát: 29A- 603.51. Trị giá thiệt hại về tài sản là 350.000.000đ, đồng thời ông T giao nộp cho cơ quan Công an: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 29A - 603.51 (bản gốc), 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái đề ngày 30/6/2018 mục dưới đại diện bên thuê xe có ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Tự C (bản gốc), 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doA của ông Nguyễn Trọng T (bản sao), 01 hợp đồng ủy quyền quản lý, sử dụng xe ô tô 29A- 603.51 của ông Trần Văn Bính cho ông Nguyễn Trọng T (bản sao) và 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA Nouvo biển kiểm soát: 88G1- 109.95.

Ngày 31/8/2018, Công an thành phố V đã thu giữ tại nhà của A Nguyễn Tuấn A xe ô tô biển kiểm soát: 29A- 603.51 cùng toàn bộ giấy tờ xe gồm: 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản phôtô).

Ngày 05/11/2018, A Lưu Văn H đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra Công an thành phố V 01 đăng ký xe máy, nhãn hiệu YAMAHA Nouvo, biển kiểm soát 88G1- 109.95 mang tên Trần Thị Vân Khánh và 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa A Lưu Văn H và chị Trần Thị Vân Khánh (đều là bản phôtô).

Ngày 11/5/2019, A Nguyễn Huy T (là A trai của Nguyễn Huy Q) và chị Nguyễn Thị T (là vợ của Nguyễn Tự C) đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra Công an thành phố V mỗi người 25.000.000đ để khắc phục hậu quả.

Tại Kết luận định giá tài sản số 136/KL- HĐĐG ngày 11/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố V kết luận: "01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA INOVA, biển kiểm soát: 29A- 603.51, màu sơn ghi bạc, đăng ký lần đầu ngày 07/3/2008 (xe đã cũ đã qua sử dụng) có trị giá 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Tại kết luận giám định số 1660 ngày 12/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V kết luận: "Chữ ký, chữ viết dưới mục: ĐẠI DIỆN BÊN B trên hợp đồng cho thuê xe tự lái đề ngày 30/6/2018 (ký hiệu A1) so với chữ ký và chữ viết trong Bản kiểm điểm đề ngày 28/8/2018 của Nguyễn Tự C (ký hiệu M1) là do cùng một người ký và viết ra".

Tại Cáo trạng số: 98/CT-VKSTPVY ngày 08/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Tự C, Lưu Văn K và Nguyễn Huy Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Lê Xuân H tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm a khoản 3 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Đối với bị cáo Lê Xuân H không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên Q định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; ,Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tự C từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Lưu Văn K từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Nguyễn Huy Q từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Xuân H từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc Lê Xuân H phải bồi thường cho A Phạm Huy T số tiền 25.000.000đ .

Buộc Lưu Văn K phải trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000đ và trả lại cho A Nguyễn Huy T số tiền 5.000.000đ

Các bị cáo Nguyễn Tự C, Lưu Văn K, Nguyễn Huy Q không có bào chữa, trA luận khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Xuân H cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội vì không biết chiếc xe có nguồn gốc do bị cáo C đi thuê mà có, không thừa nhận đứng ra cầm cố xe cho A H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của các bị cáo Nguyễn Tự C, Lưu Văn K, Nguyễn Huy Q tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Do cần tiền để đánh bạc, Nguyễn Tự C, Nguyễn Huy Q và Lưu Văn K đã nảy sinh ý định rủ nhau thuê xe ô tô tự lái đi đến thành phố L, tỉnh L

cầm cố lấy tiền đánh bạc. Sau khi bàn bạc, các đối tượng thống nhất C sẽ trực tiếp đi thuê xe ô tô sau đó rủ H đi cùng lên thành phố L vì H biết chỗ cầm cố xe và chia tiền cho H cùng đánh bạc. Ngày 30/6/2018, C đến cửa hàng thuê xe ô tô tự lái của ông Nguyễn Trọng T ở phường N, thành phố V, tỉnh V thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA, BKS: 29A- 603.51 rồi điều khiển xe đi đón Q, K và gọi điện thoại cho Lê Xuân H nói cho H biết đã thuê được xe ô tô và rủ H cùng đi L để cầm cồ xe ô tô lấy tiền chia nhau đánh bạc, H biết rõ mục đích nhóm của C rủ H lên thành phố L đánh bạc và sẽ cầm cố xe ô tô để lấy tiền đánh bạc nên H đồng ý. Ngày 01/7/2018, cả nhóm tới thành phố L, H và C cầm cố xe ô tô trên cho Vũ Trọng H lấy 40.000.000đ cùng nhau đánh bạc thắng nên chuộc lại được xe ô tô. Sau đó, đến ngày 02/7/2018, H, C, Q và K tiếp tục đến gặp H cầm cố xe ô tô, BKS: 29A - 605.31 lấy 75.000.000đ chia nhau cùng sử dụng đánh bạc, do thua bạc hết tiền nên các đối tượng không có khả năng trả lại xe ô tô cho ông T, trị giá thiệt hại về tài sản là 350.000.000đ. Xe ô tô, BKS: 29A- 603.51 đã thu giữ và trả lại cho ông T là chủ sở hữu hợp pháp.

Trong vụ án này, Nguyễn Tự C là người có vai trò chủ mưu, khởi xướng, rủ rê Nguyễn Huy Q, Lưu Văn K đi thuê xe ô tô tự lái rồi đem đi cầm cố lấy tiền đánh bạc, C trực tiếp đi thuê xe ô tô, tham gia cầm cố xe, lấy tiền cầm cố sử dụng đánh bạc; K và Q là đồng phạm tham gia tích cực vào việc phạm tội.

Đối với Lê Xuân H, quá trình điều tra và tại phiên tòa không thừa nhận việc nhờ C thuê xe ô tô để cầm cố lấy tiền đánh bạc, không biết nguồn gốc xe ô tô là do C đi thuê mà có, không thừa nhận việc đứng ra cầm cố xe ô tô cho A H và không được chia tiền từ việc cầm cố xe để sử dụng vào việc đánh bạc. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của Nguyễn Tự C, Nguyễn Huy Q, Lưu Văn K, người làm chứng chị Hà Thị Thu T và người nhận cầm cố xe ô tô A Vũ Trọng H cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được có đủ cơ sở để khẳng định, trước đó H có nhờ C thuê hộ xe ô tô để đem cầm cố lấy tiền đánh bạc nhưng C không đồng ý nên khi được C gọi điện rủ đi L, H biết rõ mục đích C, Q, K lên L để đánh bạc nhưng không ai có tiền, tài sản, không biết chỗ đánh bạc và chỗ cầm cố xe ô tô nên rủ H đi cùng để dẫn đến địa điểm đánh bạc và cầm cố xe; khi C nói với H là thuê được xe rồi thì H biết rõ nguồn gốc xe ô tô không phải là của C, xe không có giấy tờ hợp pháp, do C đi thuê mà có rồi sẽ cầm cố lấy tiền đánh bạc và thực tế H đã giúp nhóm của C tìm gặp Vũ Trọng H và trực tiếp đặt vấn đề cầm cố xe và được chia số tiền 25.000.000đ từ việc cầm cố xe rồi sử dụng vào mục đích đánh bạc, là đã giúp nhóm của C tiêu thụ tài sản có được một cách bất hợp pháp.

Mặc dù Lê Xuân H không trực tiếp tham gia bàn bạc và đi thuê xe ô tô 29A- 603.51 nhưng H biết rõ C thuê xe mục đích để cầm cố lấy tiền đánh bạc, biết rõ xe ô tô do C và đồng bọn chiếm đoạt trái phép mà có nhưng đã đưa đi tìm người cầm cố, trực tiếp tham gia cầm cố xe ô tô 02 lần và cùng ăn chia số tiền

cầm cố được với C, K, Q để sử dụng vào việc đánh bạc là đã tích cực giúp nhóm của C tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Tự C, Lưu Văn K và Nguyễn Huy Q đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Xuân H đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 10 năm tù.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền nhân thân và quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Đối với hành vi của Lê Xuân H đã xâm phạm đến trật tự công cộng và trật tự pháp luật. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân cũng như vai trò của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo Nguyễn Tự C, Lưu Văn K và Nguyễn Huy Q phạm tội theo điểm a khoản 3 Điều 174 có mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năn tù; bị cáo Lê Xuân H phạm tội theo điểm a khoản 3 Điều 323 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 10 năm tù nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội các bị cáo đều là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự.

Khi Q định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã cùng nhau bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo C, K, Q nên các bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. (Bị cáo H không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ nào do không thành khẩn khai báo, không bồi thường thiệt hại).

[3] Về đồng phạm: Trong vụ án này các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên đây là đồng phạm giản đơn. Khi Q định hình phạt, Hội đồng xét xử có phân hóa vai trò của từng bị cáo để có đường lối xử lý tương xứng với

tính chất, mức độ mà các bị cáo đã thực hiện theo quy định tại Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản

Tuy nhiên, các bị cáo đều không có tài sản và nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử Q định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về hành vi, Q định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc kH nại gì về hành vi, Q định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Đối với những người có liên quan đến vụ án gồm:

Đối với Nguyễn Huy Q, quá trình điều tra xác định: Q là người có mặt khi các đối tượng C, Q và K bàn bạc đi thuê xe ô tô tự lái để cầm cố lấy tiền đánh bạc, Q có nghe thấy việc bàn bạc thuê xe ô tô nhưng không tham gia bàn bạc. Q cho C mượn xe máy nhưng khi mượn C nói là đi có việc, Q tin tưởng nên giao xe mà không biết mục đích của C mượn xe máy để đặt cọc thuê xe ô tô tự lái. Ngày 01/7/2018, Q một mình đi xe ô tô khách lên thành phố L mục đích là để đi chơi cùng C, K, Q, H. Sau đó, Q có đi cùng C, H trên vào xới bạc nhưng không biết và không tham gia cầm cố xe ô tô với C và H, không được chia tiền từ việc cầm cố xe và không tham gia đánh bạc từ số tiền cầm cố xe ô tô mà có. Xét thấy, không có căn cứ để xác định Q tiếp nhận ý chí hay giúp sức cho C, K, Q, H về việc thuê xe, cầm cố xe, do vậy, cơ quan CSĐT Công an thành phố V không đề cập xử lý đối với Q với vai trò đồng phạm là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Vũ Trọng H là người nhận cầm cố xe ô tô biển kiểm soát: 29A - 603.51 từ C và H, quá trình điều tra xác định: Khi nhận cầm cố xe, H được C và H cho biết về nguồn gốc xe ô tô là của C nên H không biết xe ô tô trên do các đối tượng phạm tội mà có. Sau đó H đã cầm cố lại cho Phạm Huy T nhưng chưa kịp chuộc lại xe ô tô thì hành vi chiếm đoạt tài sản trái phép của C, H, K và Q đã bị phát hiện. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Phạm Huy T là người nhận cầm cố xe ô tô, biển kiểm soát: 29A - 603.51 từ A Vũ Trọng H, quá trình điều tra xác định: Khi nhận cầm cố xe A T

được H cho biết nguồn gốc xe là của H, hơn nữa A T cũng không biết gì về hành vi phạm tội của C, H, K và Q nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Hà Thị Thu T là người đã đi cùng nhóm C, K, Q lên thành phố L sau khi C thuê được xe ô tô. Sau đó T đi cùng nhóm đối tượng trên và H vào xới bạc tại B, L. Quá trình điều tra xác định: T không biết và không tham gia thuê xe ô tô, cầm cố xe ô tô và không được chia tiền từ việc cầm cố xe ô tô mà có cũng không tham gia đánh bạc cùng các đối tượng trên nên cơ quan Công an thành phố V không đề cập xử lý.

Đối với người nam giới tên T và người nữ giới tên Nguyệt ở thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang là những người đã giới thiệu và đưa Vũ Trọng H đi cầm cố xe ô tô cho Phạm Huy T, quá trình điều tra Phạm Huy T và H đều khai không biết chính xác họ, tuổi, địa chỉ của T và Nguyệt, hơn nữa T và Nguyệt cũng không biết về nguồn gốc xe ô tô do chiếm đoạt trái phép mà có và không được ăn chia từ số tiền cầm cố xe ô tô. Do vậy, cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

Đối với Nguyễn Tuấn A là người được Phạm Huy T cho mượn xe ô tô sử dụng làm phương tiện đi lại, quá trình điều tra xác định Tuấn A không biết về nguồn gốc xe ô tô do chiếm đoạt trái phép mà có, cũng như không biết gì về hành vi phạm tội của C, H, K và Q nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với hành vi Nguyễn Tự C mượn xe máy, BKS: 88G1- 109.95 của Q nói là đi có việc nhưng thực chất là đem đi đặt cọc làm tin để thuê xe ô tô của ông T, C có hành vi gian dối để A Q giao tài sản, tuy nhiên A Q cũng không có yêu cầu đề nghị gì về việc xử lý đối với C, mặt khác hành vi này xảy ra ở địa bàn huyện B, hiện nay, xe máy trên đã bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để tiếp tục điều tra nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với hành vi đánh bạc của Nguyễn Tự C, Lưu Văn K, Nguyễn Huy Q và Lê Xuân H xảy ra trên địa bàn tỉnh L, quá trình điều tra các đối tượng đều khai nhận: không nhớ chính xác địa chỉ cụ thể của sới bạc, không biết ai là chủ sới bạc, tại sới bạc có khoảng 30 đến 40 người tham gia đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa nhưng cả nhóm không biết rõ họ tên, địa chỉ của những người cùng tham gia và không biết số tiền thắng thua ra sao, nên cơ quan CSĐT Công an thành phố V không có sơ sở để điều tra, xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Nguyễn Trọng T đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Q.

Quá trình điều tra, A Vũ Trọng H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 100.000.000đ là tiền A H đã trả cho các đối tượng nêu trên để nhận cầm cố xe ô tô biển kiểm soát: 29A- 603.51 (trong đó có 75.000.000đ tiền gốc và

25.000.000đ tiền lãi) nhưng tại đơn đề nghị xử vắng mặt, A H đồng ý để A T được nhận số tiền mà A đã cho các bị cáo vay vì sau đó A H đã mang xe này đi cầm cố cho A T lấy số tiền 100.000.000đ nên người bị thiệt hại là A T chứ không phải A H.

Đối với số tiền 100.000.000đ A T trả cho H để nhận cầm cố xe ô tô nêu trên. Quá trình điều tra A T yêu cầu C, K, H và Q phải có trách nhiệm bồi thường cho A số tiền trên. Tại đơn đề nghị xử vắng mặt A T chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 75.000.000đ mà A H đã cho các bị cáo cầm cố xe, ngoài ra không có đề nghị gì khác.

Xét yêu cầu bồi thường của A Vũ Trọng H, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù A H có đưa cho Lê Xuân H số tiền 75.000.000đ để nhận cầm cố chiếc xe biển kiểm soát 29A.603.51 nhưng sau đó A H lại mang xe này đi cầm cố cho A Phạm Huy T để lấy số tiền 100.000.000đ nên trong việc này người bị thiệt hại trực tiếp là A T, còn A H không bị thiệt hại. Trong đơn đề nghị xử vắng mặt A T và A H đều đồng ý để cho A T được nhận số tiền này. Tại phiên tòa các bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho A T số tiền 75.000.000đ. Cần buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho A T số tiền 75.000.000đ (trong đó kỷ phần của bị cáo K 20.000.000đ, bị cáo C 10.000.000đ, bị cáo Q 20.000.000đ, bị cáo H 25.000.000đ).

Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị T (vợ bị cáo C) và A Nguyễn Huy T (A trai bị cáo Q) mỗi người đã tự nguyện nộp số tiền 25.000.000đ để khắc phục hậu quả nhưng do kỷ phần của bị cáo Q là 20.000.000đ, của bị cáo C là 10.000.000đ nên số tiền nộp thừa thì tại phiên tòa cả A T và chị T đều đồng ý để trừ vào số tiền mà bị cáo K phải nộp là 20.000.000đ và yêu cầu bị cáo K phải trả lại cho A T số tiền 5.000.000đ và trả cho chị T số tiền 15.000.000đ.

Buộc bị cáo Lê Xuân H phải bồi thường cho A Phạm Huy T số tiền 25.000.000đ.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29A-603.51 do các bị cáo thuê của ông Nguyễn Trọng T sau đó mang đi cầm cố. Ngày 13/11/2018 Công an thành phố V đã trả lại xe cho ông T. Ông T không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với số tiền 75.000.000đ do C, H, K và Q đi cầm cố xe ô tô, biển kiểm soát: 29A - 603.51 chiếm đoạt của ông T mà có, quá trình điều tra xác định các đối tượng đã sử dụng hết vào việc đánh bạc nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với số tiền 100.000.000đ H có được từ việc cầm cố xe ô tô cho Phạm Huy T, quá trình điều tra H khai đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại di động mà Nguyễn Tự C dùng để gọi Lê Xuân H thông báo đã thuê được xe ô tô và rủ H cùng đi lên thành phố L tìm địa điểm cầm cố xe lấy tiền đánh bạc, quá trình điều tra C và H đều khai sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên quá trình điều tra H và C đều khai nhận đã bán để thay đổi điện thoại mới (không nhớ tên cửa hàng mua bán điện thoại) nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái đề ngày 30/6/2018 (bản gốc), 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doA của ông Nguyễn Trọng T (bản sao), 01 hợp đồng ủy quyền từ ông Trần Văn Bính cho ông Nguyễn Trọng T (bản sao) do ông T giao nộp và đối với 01 đăng ký xe máy, nhãn hiệu YAMAHA Nouvo, BKS: 88G1 – 109.95 mang tên Trần Thị Vân Khánh và 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa A Lưu Văn H và chị Trần Thị Vân Khánh (đều là bản phô tô) do A Lưu Văn H giao nộp cho cơ quan điều tra và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 29A – 603.51 (bản phô tô) thu giữ của Nguyễn Tuấn A, Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với xe máy nhãn hiệu YAMAHA NOUVO, biển kiểm soát: 88G1-109.95 là xe máy Nguyễn Tự C sử dụng để làm tài sản đảm bảo khi thuê xe ô tô tự lái của ông Nguyễn Trọng T, quá trình điều tra xác định xe máy trên đứng tên đăng ký sở hữu hợp pháp là chị Trần Thị Vân Khánh. Khoảng tháng 6/2018, A Lưu Văn H(là chồng của chị Khánh) cho Nguyễn Huy Q mượn để sử dụng làm phương tiện đi lại trong một tuần, sau đó đến ngày 30/6/2018 Q cho Nguyễn Tự C mượn xe máy của A H, C đã sử dụng xe máy để đặt làm tài sản đảm bảo thuê xe ô tô của ông Nguyễn Trọng T. Sau đó, A H nhiều lần gặp Q để lấy lại xe máy nêu trên nhưng không được nên đã trình báo Công an huyện B, tỉnh V tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Q. Ngày 22/10/2018, Công an huyện B có văn bản số 593 gửi Công an thành phố V về việc đang xác minh giải Q đơn của Lưu Văn H tố cáo Nguyễn Huy Q chiếm đoạt tài sản chiếc xe máy. Do vậy, ngày 08/11/2018, Công an thành phố V đã bàn giao lại xe máy trên cho Công an huyện B để tiếp tục điều tra, xác minh theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tự C 09 (chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/02/2019).

Xử phạt bị cáo Lưu Văn K 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/02/2019).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy Q 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/02/2019).

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Xuân H 08 (tám) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 02/3/2019).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 587,589 của Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Tự C, Lưu Văn K, Nguyễn Huy Q và Lê Xuân H phải liên đới bồi thường cho A Phạm Huy T số tiền 75.000.000đ. (trong đó kỷ phần của bị cáo K 20.000.000đ, bị cáo C 10.000.000đ, bị cáo Q 20.000.000đ, bị cáo H 25.000.000đ). (Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp 25.000.000đ, A Nguyễn Huy T đã nộp 25.000.000đ thay cho bị cáo C, K và Q).

Buộc Lê Xuân H phải bồi thường cho A Phạm Huy T số tiền 25.000.000đ .

Buộc Lưu Văn K phải trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000đ và trả lại cho A Nguyễn Huy T số tiền 5.000.000đ

Trả lại cho A Phạm Huy T số tiền 50.000.000đ do A Nguyễn Huy T và chị Nguyễn Thị T giao nộp.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Q số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Tự C, Lưu văn K, Nguyễn Huy Q và Lê Xuân H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự trong án Hình sự bị cáo H phải nộp 1.250.000đ, bị cáo K phải nộp 1.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Viện kiểm sát tỉnh V;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam - CA V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Sái Văn Trọng **Nguyễn Thị Thúy Nga** **Lê Nữ Hương Huyền**